

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 357/2018/HC-PT

Ngày: 20/8/2018

V/v: *Khiếu kiện Quyết định hành
chính về quản lý đất đai*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân Hương;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Phách;
Bà Lê Thị Thúy Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Chuyên, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Lê Song Lê, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 20 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 220/2017/TLPT-HC ngày 15 tháng 11 năm 2017 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 27/2017/HC-ST ngày 15/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5014/2018/QĐPT-HC ngày 30 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Bà Bùi Thị A, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Làng X, xã Y, huyện Z, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Ngọc A1, sinh năm 1940; trú tại: Khu phố 6, phường Q, thị xã P, tỉnh Thanh Hóa.

Có mặt bà A, ông A1 tại phiên tòa.

*** Người bị kiện:**

1. Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn B- Phó Chủ tịch UBND tỉnh (Văn bản ủy quyền số 13027/UBND-TD ngày 10/11/2016). Văn bản số 9827/UBND-TD ngày 16/8/2018 đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Chủ tịch UBND huyện Y;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê B1, Phó Chủ tịch UBND huyện Y (Văn bản ủy quyền số 2097/UBND-TNMT ngày 25/11/2016). Vắng mặt, có Văn bản số 1554/UBND-TNMT ngày 15/8/2018 đề nghị xét xử vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Công ty TNHH Q. Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm C - Tổng giám đốc. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Thực hiện các dự án xây dựng Nhà máy bánh kẹo Trảng An, Nhà máy gang thép, Công ty Cổ phần kiến trúc Phục Hưng, Công trình thoát nước khu công nghiệp, công trình dự án đường BB3 và CC4 và dự án đầu tư xây dựng và khai thác hạ tầng Khu A-KCN Bim Sơn, năm 2010, UBND tỉnh Thanh Hóa đã thu hồi đất của một số hộ dân đang sử dụng đất của Nông trường Y trên địa bàn xã H, thị xã Bim Sơn, trong đó có hộ bà Bùi Thị A có diện tích 5.328m². UBND huyện Y đã phê duyệt phương án bồi thường tài sản (cây cối, hoa màu), gia đình bà được hỗ trợ 30% giá trị đối với 828,2m² đất.

Bà A (cùng với một số các hộ dân khác) có đơn khiếu nại, bà yêu cầu được trả công khai hoang phục hóa đối với toàn bộ 5.328m² đất và hưởng tiền hỗ trợ việc làm đối với diện tích 4.500m² còn lại chưa được hỗ trợ.

Tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 2203/QĐ-UBND ngày 19/5/2016, Chủ tịch UBND huyện Y không chấp nhận khiếu nại của các hộ dân (trong đó có bà A). Bà A tiếp tục khiếu nại. Tại Quyết định số 3486/QĐ-UBND ngày 12/9/2016, Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa trả lời bà A là không có cơ sở xem xét yêu cầu hỗ trợ công ăn việc làm, công khai hoang phục hóa và lương thực khi thu hồi đất của các hộ dân và của bà A.

Ngày 25/10/2016, bà Bùi Thị A khởi kiện yêu cầu TAND tỉnh Thanh Hóa hủy Quyết định số 3486/QĐ-UBND ngày 12/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa; yêu cầu được trả tiền hỗ trợ việc làm trên diện tích đất bị thu hồi là 4.500m² và được nhận tiền khai hoang trên diện tích 5.328m² đất bị thu hồi, với lý do: Nguồn gốc 5.328m² đất là của Nông trường Y (Nay là Công ty TNHH Q) nhưng thường xuyên ngập nước, nhiều bom bãi, đất manh mún, nhiều đá sỏi đầu, khi thành lập Nông trường không đưa vào kế hoạch sản xuất. Năm 1984, gia đình bà được Giám đốc Nông trường cho phép khai hoang để có đất tăng gia cải thiện đời sống, xóa đói giảm nghèo. Gia đình bà đã khai hoang, thời gian đầu trồng ngô, khoai, sắn nhưng do đất xấu nên chuyển sang trồng mía để giao cho Hợp tác xã và Nông trường, gia đình không nhận được sự hỗ trợ, ưu đãi của Nông trường, nhà máy về vật tư và tiền vốn. Từ năm 1985 đến năm 1995, Nông trường không thu một khoản tiền nào do thiên tai liên tục xảy ra. Từ năm 1996, đất do Nông trường quản lý nhưng gia đình vẫn thực hiện nghĩa vụ tài chính hàng năm đóng góp với Nông trường bằng hình thức trừ vào tiền sản phẩm sau khi thu hoạch (nhưng bà không có

chứng từ). Bà A cho rằng căn cứ vào Luật đất đai năm 1993, 2003, 2013, đất của gia đình sử dụng trước 01/10/1993 không tranh chấp với ai, khi thu hồi thì gia đình phải được hưởng tiền khai hoang là công sức lao động nhiều năm.

Sau khi Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa thụ lý sơ thẩm, ngày 31/3/2017 Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quyết định số 982/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định giải quyết số 3486/QĐ-UBND ngày 12/9/2016, với lý do: Để thực hiện chính sách hỗ trợ mới cho người sử dụng đất theo Văn bản số 2169 ngày 03/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 04/5/2017, bà Bùi Thị A có đơn bổ sung khởi kiện yêu cầu hủy bỏ quyết định giải quyết khiếu nại số 2203/2016/QĐ-UBND ngày 19/5/2016 của Chủ tịch UBND huyện Y, với lý do theo Quyết định số 982 nêu trên thì bà mới được hưởng hỗ trợ việc làm, nhưng chưa được xem xét về tiền khai hoang.

Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa trình bày: Nguồn gốc diện tích đất thu hồi trên địa giới hành chính xã H để thực hiện các dự án xây dựng theo Quyết định số 550/QĐ-UBND ngày 08/02/2010 của UBND tỉnh trong đó có diện tích đất của gia đình bà Bùi Thị A là đất được UBND tỉnh Thanh Hóa giao cho Nông trường Y theo Quyết định số 118NN/UBTH ngày 06/02/1996. Theo hồ sơ quản lý địa chính xã H năm 1997 chủ sử dụng diện tích đất đó là Nông trường. Qua kiểm tra và xác minh thực tế thì bà A và các hộ dân không cung cấp được bất cứ hồ sơ, tài liệu nào thể hiện việc giao đất của Nông trường cho các hộ. Nông trường quản lý sử dụng đất chung, không giao khoán đất cho các hộ viên của Nông trường và Nông trường chỉ giao kế hoạch sản lượng nông sản cho các hộ nông trường viên theo chu kỳ cây trồng, nông trường đầu tư và cho các hộ ứng trước tư liệu sản xuất; Nông trường chỉ lập sổ theo dõi kèm theo danh sách từng hộ theo đối tượng cây trồng để cập nhật, phục vụ cho việc thanh toán và công tác quản lý của Nông trường. Kiểm tra có 35/38 hộ dân có đất bị ảnh hưởng tại 4/7 dự án thuộc địa giới hành chính xã H, huyện Y theo đơn khiếu nại, trong đó có hộ bà Bùi Thị A: Các chế độ, quyền lợi về bồi thường hoa màu, tài sản trên đất và các chế độ hỗ trợ về đất, hỗ trợ hoa màu đối với bà Bùi Thị A và các hộ dân đã được xem xét, đã được giải quyết theo đúng quy định tại Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ và Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ; Quyết định số 3788/2009/NĐ-UBND ngày 23/10/2009 của UBND tỉnh; Văn bản số 192/TB-UBND ngày 17/12/2015 và Văn bản số 831/UBND-KTTC ngày 25/01/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa. Hiện tại, các hộ đã nhận đủ tiền bồi thường, hỗ trợ. Như vậy, toàn bộ diện tích đất bà A và một số hộ dân đang khiếu nại thuộc đất của Nông trường nay là Công ty TNHH Nông Công nghiệp Q đã được UBND tỉnh giao quản lý và sử dụng; không có hồ sơ giao khoán sử dụng đất giữa Nông trường với các hộ dân. Đề nghị Tòa xem xét giải quyết theo pháp luật.

Đại diện theo pháp luật của UBND huyện Y trình bày: Đất của hộ bà Bùi Thị A bị thu hồi là 5.328m², trong đó: Diện tích bị ảnh hưởng khi thực hiện dự án đường BB3 năm 2010 là 4.500m²: Kiểm tra nguồn gốc sử dụng đất của hộ bà A tại thời điểm thu hồi để thực hiện dự án, hộ bà A đã không cung cấp cho Hội đồng bồi thường được bất cứ giấy tờ gì liên quan đến quyền sử dụng đất của các hộ theo quy định để đủ điều kiện được hưởng chế độ hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất (không có hợp đồng giao khoán đất, biên bản bàn giao đất, sơ đồ thửa đất giao khoán của Nông trường với các hộ). Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư huyện Y lập phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư thực hiện các dự án đảm bảo đúng theo Luật Đất đai năm 2003 và các văn bản pháp luật hiện hành khác. Sau khi phê duyệt phương án bồi thường hộ bà A đã nhận đủ tiền bồi thường cây cối hoa màu, bàn giao mặt bằng thực hiện xong dự án, đã đưa vào sử dụng.

Diện tích bị ảnh hưởng thực hiện dự án đầu tư xây dựng và khai thác hạ tầng Khu A-KCN Bim Sơn của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển VID Thanh Hoá là 828m²: Phần diện tích này bà A đã được hỗ trợ số tiền là 9.938.000 đồng (hỗ trợ theo Thông báo số 192/TB-UBND ngày 17/12/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc Thông báo kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh tại hội nghị giải quyết xử lý những vướng mắc trong quá trình giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư, khai thác hạ tầng khu A KCN Bim Sơn). Hiện nay đã thực hiện xong việc bồi thường hỗ trợ, đã giao đất và đang thực hiện đầu tư xây dựng dự án.

Kiểm tra hồ sơ bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện các dự án từ năm 2010 đến năm 2016 lưu tại phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Y đã xác định: Các hộ dân trong đó có hộ gia đình bà Bùi Thị A bị ảnh hưởng của các dự án đều sử dụng đất của Nông trường được UBND tỉnh Thanh Hóa giao và cấp GCNQSDĐ cho Nông trường thuê.

Tuy nhiên qua quá trình xác minh lại, diện tích đất này đã được Nông trường giao khoán cho hộ bà A cùng một số hộ khác nhưng quên không đưa giấy tờ cho gia đình bà A. Do vậy cần kiểm tra xác minh lại, nếu là đất đã được Nông trường giao khoán thì hộ gia đình bà A sẽ được hỗ trợ 70%, trường hợp bà A không có các giấy tờ đối với diện tích đất này thì sẽ được hỗ trợ 30%. Đề nghị TAND tỉnh Thanh Hóa giải quyết theo quy định pháp luật.

Công ty TNHH Nông Công nghiệp Hà Trung trình bày: Bà Bùi Thị A có diện tích đất bị thu hồi 828,2m² thuộc dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Bắc khu A - KCN Bim Sơn, Thanh Hóa, đất này nằm trong đất của Công ty TNHH Q quản lý, không nằm trong diện tích giao khoán và bà A không thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với công ty.

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 27/2017/HC-ST ngày 15/6/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa quyết định: *Căn cứ Điểm b, Khoản 2 Điều 193;*

Điểm e Khoản 1 Điều 143; Khoản 1 Điều 30, Khoản 3, 4 Điều 32; Điểm a Khoản 3 Điều 116; Khoản 2 Điều 165; Điều 204; Khoản 1 Điều 206 Bộ luật tố tụng hành chính năm 2015.

Căn cứ Điều 48 quy định về Điều khoản chuyển tiếp của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Khoản 1 Điều 34 pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án 2009.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị A:

- Hủy quyết định số 2203/QĐ-UBND ngày 19/5/2016 của Chủ tịch UBND huyện Y về việc giải quyết khiếu nại của các ông bà Bùi Thị A, Mai A2, Nguyễn Văn A3, Đinh Văn A4, Vũ Ngọc A5, Vũ Hồng A6, phường Q, thị xã P, tỉnh Thanh Hoá;

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định 3486/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá ngày 12/9/2016 và các yêu cầu trả tiền hỗ trợ việc làm trên diện tích bị thu hồi 4.500m²; Trả tiền khai hoang trên diện tích bị thu hồi 5.328m².

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/6/2017, bà Bùi Thị A có đơn kháng cáo; ngày 29/6/2017 bà A có đơn trình bày bổ sung với nội dung đơn không đồng ý với kết quả xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm vì Quyết định số 982/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết quyền lợi của gia đình bà khi đã áp dụng đền bù, hỗ trợ cho gia đình là chưa sát thực tế; và chưa xem xét yêu cầu được bồi thường công khai hoang của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Bà Bùi Thị A và đại diện theo ủy quyền là ông Vũ Ngọc A1 trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét để UBND tỉnh trả tiền công khai hoang đất cho bà A và các hộ dân khác. Bà A xác nhận sau khi có Quyết định số 982/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa, bà chưa nhận được Quyết định của UBND huyện Y thực hiện theo Quyết định số 982/QĐ-UBND nêu trên của Chủ tịch UBND tỉnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa phúc thẩm có quan điểm:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án hành chính; các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu của bà A về việc hủy Quyết định số 3486/QĐ-UBND ngày 12/9/2016 với lý do văn bản này đã bị hủy. Quyết định xử chấp nhận yêu cầu của bà A hủy Quyết định 2203/QĐ-UBND ngày 19/5/2016 là có căn cứ bởi tại thời điểm Tòa xét xử sơ thẩm vẫn chưa có văn bản nào của cơ quan có thẩm quyền hủy Quyết định này. Đối với nội dung xem xét tỷ lệ hỗ trợ cho gia đình bà A vì có công khai hoang, phục hóa, thấy rằng ngày 31/3/2017, UBND tỉnh Thanh Hóa đã ban hành Quyết định 982/QĐ-UBND về việc xem xét tính toán tỷ lệ bồi thường đất và quyết định này đang được thực hiện nên việc xem xét giải quyết yêu cầu này là không cần thiết. Nếu việc đền bù theo tinh thần Quyết định số 982/QĐ-UBND được thực hiện xong mà bà A không đồng ý thì có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện bằng vụ kiện khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015, bác kháng cáo của bà Bùi Thị A, giữ nguyên quyết định tại Bản án sơ thẩm số 27/2017/HC-ST ngày 15/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe ý kiến trình bày của các bên; căn cứ kết quả thẩm tra chứng cứ và tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa; sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Bùi Thị A sử dụng 5.328m² đất nằm trong diện tích đất UBND tỉnh Thanh Hóa thu hồi của Nông trường Y để thực hiện các dự án xây dựng khu công nghiệp từ năm 2010. Bà A đã khiếu nại về việc bồi thường, hỗ trợ; Chủ tịch UBND huyện Y đã có Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 1) số 2203/2016/QĐ-UBND và ngày 19/5/2016, Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa có Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 2) số 3486/2016/QĐ-UBND ngày 12/9/2016, không đồng ý với khiếu nại của bà A. Ngày 25/10/2016, bà Bùi Thị A yêu cầu hủy các Quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 số 2203/2016/QĐ-UBND Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 3486/2016/QĐ-UBND, Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý khiếu kiện của bà là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 32, Điều 33, khoản 1 Điều 115, Điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

[2] Xem xét các yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị A thấy rằng:

[2.1] Đối với yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 3486/QĐ-UBND ngày 12/9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa:

Đất thu hồi thuộc quyền quản lý của Nông trường Y nên khi Nhà nước thu hồi đất thì người sử dụng đất được xem xét hỗ trợ. Các khoản hỗ trợ mà bà A yêu cầu, tại khoản 7 Điều 19 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014

của Chính Phủ quy định: “UBND cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ, định kỳ chi trả tiền hỗ trợ cho phù hợp tình hình thực tế tại địa phương”. Ngày 03/3/2017, UBND tỉnh Thanh Hóa đã ban hành Công văn số 2169/UBND-KTTC về việc giải quyết, đề nghị của UBND huyện Y về hỗ trợ các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng khi giải phóng mặt bằng xây dựng KCN Bim Sơn, nội dung: Đồng ý hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng bởi các dự án theo từng loại giấy tờ mà các hộ gia đình có với các mức hỗ trợ 30% và 70% giá đất bồi thường tính theo diện tích đất thực tế bị thu hồi nhưng không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương do Chính phủ quy định. Do đó, ngày 31/3/2017, Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quyết định số 982/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định giải quyết số 3486/QĐ-UBND ngày 12/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giải quyết khiếu nại của bà Bùi Thị A với lý do thực hiện chính sách hỗ trợ mới.

Như vậy, Quyết định này ban hành đúng thẩm quyền và đã thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 3486/QĐ-UBND ngày 12/9/2017 để thực hiện chính sách hỗ trợ mới. Như vậy, đối tượng khởi kiện là Quyết định số 3486/QĐ-UBND ngày 12/9/2017 đã bị hủy bỏ bởi Quyết định mới số 982/QĐ-UBND, nhưng Quyết định mới này cũng chưa quyết định cụ thể gì ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của bà A, như Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định là phù hợp. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà A vẫn giữ yêu cầu khởi kiện Quyết định số 3486/QĐ-UBND, lẽ ra, Tòa án cấp sơ thẩm cần bác yêu cầu khởi kiện của bà A đối với Quyết định số 3486/QĐ-UBND, nhưng lại áp dụng điểm e khoản 1 Điều 143 Luật tố tụng hành chính để đình chỉ giải quyết vụ án hành chính là không phù hợp. Sai sót này không ảnh hưởng đến quyền lợi của bà A, nên cấp phúc thẩm không hủy án sơ thẩm mà rút kinh nghiệm đối với cấp sơ thẩm.

Bà A yêu cầu được UBND tỉnh trả tiền hỗ trợ việc làm trên diện tích bị thu hồi là 4.500m² đất đã được giải quyết; còn yêu cầu trả tiền khai hoang trên diện tích bị thu hồi là 5.328m² đất nằm trong nội dung khiếu nại của người khởi kiện đã được giải quyết trong Quyết định giải quyết khiếu nại số 3486/QĐ-UBND ngày 12/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa, nhưng Quyết định này đã bị thu hồi, hủy bỏ nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định không có cơ sở để xem xét là đúng.

[2.2] Đối với Quyết định giải quyết khiếu nại số 2203/QĐ-UBND ngày 19/5/2016 của Chủ tịch UBND huyện Y:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định Quyết định số 982/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá đã thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 3486/QĐ-UBND ngày 12/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá giải quyết khiếu nại lần 2 (có nội dung giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại số 2203/QĐ-UBND ngày 19/5/2016 của Chủ tịch UBND huyện Y), từ đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị A hủy bỏ Quyết định này là đúng.

[3] Do đó, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa về việc bác kháng cáo của bà Bùi Thị A, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có cơ sở để chấp nhận. Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Bùi Thị A phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Thị A. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 27/2017/HC-ST ngày 15/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Bùi Thị A phải chịu 300.000 đồng, được trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai số AA/2010/000381 ngày 10/7/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 20/8/2018.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Phan Thị Vân Hương